

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 14 + 15

Ngày 02 tháng 6 năm 2010

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		
15-4-2010	Quyết định số 984 /2010/QĐ-UBND ban hành “Đề án phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020”.	6
20-4-2010	Quyết định số 1025/2010/QĐ-UBND về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	13
01-6-2010	Quyết định số 1537/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động của Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Phú Thọ.	19

PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12-5-2010	Kế hoạch số 1489/KH-UBND ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2015.	27
24-5-2010	Quyết định số 1413/QĐ-UBND về việc công nhận Ban Chấp hành, Chủ tịch, Phó chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ (nhiệm kỳ 2010 - 2015).	48
25-5-2010	Quyết định số 1433/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án Phát triển ngành Dược tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010 – 2015.	51
02-6-2010	Quyết định số 1545/QĐ-UBND v/v ban hành Quy định về chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ.	74

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-4-2010	Thông báo số 33 /TB-UBND kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Đình Vượng tại Hội nghị kiểm điểm tiến độ thực hiện dự án: Cải thiện đời sống cho người dân địa phương ở trong và ngoài Vườn quốc gia Xuân Sơn - tỉnh Phú Thọ góp phần quản lý rừng bền vững.	82
20-4-2010	Quyết định số 1031/QĐ-UBND v/v Thay đổi Trưởng Ban Quản lý Dự án "Phát triển mô hình quản lý và sử dụng đất (PLUM)' tại tỉnh Phú Thọ.	85
13-5-2010	Quyết định số 1293 /QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1) - thuộc địa bàn xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao.	86
14-5-2010	Quyết định số 1315 /QĐ-UBND /v duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Đường sơ tán dân thuộc các xã: Bảo Yên, Sơn Thủy, Tất Thắng huyện Thanh Thủy và huyện Thanh Sơn (địa phận xã Tất Thắng huyện Thanh Sơn - bổ sung đợt 2).	88
17-5-2010	Thông báo số 39/TB-UBND ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Ngọc Hải tại buổi làm việc về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng Cụm công nghiệp Bạch Hạc giai đoạn II.	91

18-5-2010	Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - thuộc địa bàn xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao (đợt 02).	95
18-5-2010	Quyết định số 1350 /QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - thuộc địa bàn xã Cao Xá, huyện Lâm Thao.	97
18-5-2010	Quyết định số 1351 /QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: xây dựng cầu Ngọc Tháp và tuyến nối QL2 - QL32 (tỉnh Phú Thọ) thuộc dự án đường Hồ Chí Minh - địa bàn xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ (đợt 01).	99
18-5-2010	Quyết định số 1359 /QĐ-BCĐ v/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ.	101
20-5-2010	Quyết định số 1034/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - thuộc địa bàn xã Minh Nông, thành phố Việt Trì (đợt 14).	108
20-5-2010	Quyết định số 1395 /QĐ-UBND v/v duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Đắp mở rộng, tôn cao và cứng hóa mặt đê hữu sông Thao kết hợp đường giao thông đoạn Km0 - Km60 (Từ xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa đến ngã tư Cổ Tiết, huyện Tam Nông) tại địa bàn thị trấn Sông Thao, các xã: Sai Nga, Sơn Nga, Phùng Xá, Phương Xá, Tuy Lộc - huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ.	110
24-5-2010	Quyết định số 1405/QĐ-UBND v/v Duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Khu du lịch sinh thái cao cấp tại bãi nổi xã La Phù huyện Thanh Thủy (đợt 2).	113
24-5-2010	Quyết định số 1407/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - thuộc địa bàn các xã: Hợp Hải, Kinh Kệ - huyện Lâm Thao.	115

24-5-2010	Quyết định số 1409/QĐ-UBND về việc phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung ủy viên UBND huyện Thanh Ba, nhiệm kỳ 2004 - 2011.	117
24-5-2010	Quyết định số 1421/QĐ-UBND v/v duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng điều chỉnh, bổ sung dự án: Cải tạo, nâng cấp đường vùng chậm lũ đoạn thị trấn Thanh Sơn đi Bến Ngọc (đoạn Bến Ngọc - La Phù) thuộc các xã: La Phù, Bảo Yên, Đoan Hạ - huyện Thanh Thủy.	118
24-5-2010	Thông báo số 40/TB-UBND kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Doãn Khánh tại buổi làm việc với Công ty cổ phần JAPFA COMFEED Việt Nam.	121
26-5-2010	Quyết định số 1454/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.	123
28-5-2010	Quyết định số 1475/QĐ-UBND về việc miễn nhiệm kết quả bầu cử bổ sung Chủ tịch UBND huyện Phù Ninh, nhiệm kỳ 2004 - 2011.	124
28-5-2010	Quyết định số 1480/QĐ-UBND v/v duyệt phân bổ 4.500 triệu đồng, từ nguồn vốn hỗ trợ dự án trọng điểm và phát triển quỹ đất bố trí vốn đầu tư tập trung năm 2010.	125
28-5-2010	Quyết định số 1483/QĐ-UBND v/v duyệt giá trồng cây lâm nghiệp thuộc dự án trồng mới 5 ha rừng năm 2010.	126
28-5-2010	Quyết định số 1484/QĐ-UBND v/v duyệt phương án bồi thường di chuyển đường điện 0,4KV giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Hạ tầng khu tái định cư xã Thắng Sơn, thuộc dự án Tưới cây vùng đồi huyện Thanh Sơn.	128
28-5-2010	Quyết định số 1487/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1) - thuộc địa bàn xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê (hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh).	130
28-5-2010	Quyết định số 1488 /QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1) - thuộc địa bàn xã Phùng Xá, huyện Cẩm Khê (hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh).	132

28-5-2010	Thông báo số 42/TB-UBND kết luận của Chủ tịch Nguyễn Ngọc Hải về kiểm điểm tình hình triển khai các công trình để chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII tại Trung tâm Hội nghị tỉnh.	134
28-5-2010	Thông báo số 43/TB-UBND kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Doãn Khánh về việc hỗ trợ chuyển đổi diện tích chè kém hiệu quả sang trồng cây cao su tại Xí nghiệp chè Vạn Thắng.	136
02-6-2010	Chỉ thị số 07/CT-UBND tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất vụ mùa năm 2010.	138

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành “Đề án phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng
tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020”****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Đề án phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020” gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN:**1. Mục tiêu tổng quát:**

a) Phát triển các Tổ chức hành nghề Công chứng nhằm bảo đảm tăng cường an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa và hạn chế tranh chấp, góp phần lành mạnh các quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, cải cách nền hành chính nhà nước nói chung và cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh nói riêng. Đến năm 2020 thực hiện xã hội hoá hoạt động Công chứng, đảm bảo các loại việc theo quy định của pháp luật được thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng.

b) Đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu công chứng của tổ chức, công dân trong nền kinh tế thị trường, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công chứng, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân thực hiện đúng các quy định của pháp

luật, tiếp cận và được hưởng các dịch vụ công chứng với chất lượng cao; Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong các giao dịch và trật tự, kỷ cương xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Xã hội hóa hoạt động công chứng, giảm dần sự bao cấp của Nhà nước về biên chế và chi phí cho hoạt động công chứng ở địa phương theo hướng chuyển dần các Phòng Công chứng từ đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên thành đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm về chi phí hoạt động thường xuyên. Khuyến khích, tạo điều kiện để các Công chứng viên và những người có đủ điều kiện thành lập các Văn phòng Công chứng theo mô hình Doanh nghiệp tư nhân hoặc Công ty hợp danh trên cơ sở định hướng của tỉnh về phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn từ 2010 đến năm 2015:

- Củng cố kiện toàn các Phòng Công chứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đảm bảo mỗi Phòng Công chứng có từ 03 đến 05 Công chứng viên. Chuyển dần sang tự chủ tài chính theo hướng nhà nước đảm bảo một phần về tài chính. Phần đầu từ sau năm 2012 trở đi, Phòng Công chứng là đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ hoàn toàn về tài chính

- Thành lập mới Văn phòng Công chứng ở tất cả các huyện trọng điểm Riêng thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ thành lập mới từ 03 Văn phòng Công chứng trở lên.

- Thực hiện từng bước chuyển giao việc công chứng các hợp đồng giao dịch từ UBND sang các Tổ chức hành nghề Công chứng tại các huyện đã thành lập Văn phòng Công chứng.

- Phần đầu toàn tỉnh có từ 10 đến 25 Công chứng viên, đạt tỷ lệ từ 55.000 đến 75.000 người dân / 01 Công chứng viên.

b) Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020

- Các Phòng Công chứng thực hiện chế độ tự chủ tài chính và thực hiện chuyển dần sang mô hình Văn phòng Công chứng theo Luật công chứng.

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, các huyện trọng điểm thành lập mới từ 03 đến 05 Văn phòng Công chứng, gắn việc thành lập Văn phòng Công chứng với các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phần đầu thành lập ít nhất một Văn phòng Công chứng tại các huyện còn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Thực hiện chuyển giao đồng bộ công chứng các hợp đồng, giao dịch từ UBND sang các Tổ chức hành nghề công chứng.

- Toàn tỉnh có từ 25 đến 50 Công chứng viên, đạt tỷ lệ từ 30.000 đến 50.000 người dân/ 01 Công chứng viên.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG:

1. Giai đoạn 2010-2015

a) Đối với các Phòng Công chứng

- Cần được duy trì, củng cố, ổn định về tổ chức, đảm bảo đáp ứng nhu cầu công chứng của tổ chức, công dân thuộc địa bàn thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ với các vùng lân cận. Chuyển dần các Phòng Công chứng thành đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ hoàn toàn về tài chính.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ tổ chức và công dân, đảm bảo tuyệt đối tính pháp lý của hợp đồng và cò giao dịch dân sự.

- Thực hiện đào tạo và đào tạo lại nâng cao trình độ đội ngũ Công chứng viên đáp ứng nhu cầu công chứng của tổ chức, công dân trên địa bàn.

b) Đối với việc phát triển các Tổ chức hành nghề Công chứng

- Xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng, tập trung phát triển tại các khu vực có yêu cầu công chứng cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu của tổ chức và công dân, đồng thời có biện pháp khuyến khích phù hợp để xây dựng nền tảng cho việc xã hội hoá hoạt động công chứng tại các khu vực có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn.

- Căn cứ nhu cầu công chứng, thành lập mới các Văn phòng Công chứng, phấn đấu thành lập ít nhất một Văn phòng Công chứng tại các thị trấn hoặc trung tâm các huyện trong tỉnh. Có biện pháp khuyến khích, tạo điều kiện thành lập, phát triển các Tổ chức hành nghề Công chứng đủ điều kiện, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi đảm bảo cho tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh đều được hưởng các dịch vụ công chứng như nhau.

- Đối với thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ khuyến khích thành lập mới Văn phòng Công chứng tại các xã, phường chưa có Tổ chức hành nghề Công chứng.

- Qua quá trình thực hiện, tiến hành đánh giá tình hình phát triển, hiệu quả hoạt động các Tổ chức hành nghề Công chứng nhằm phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng mang tính ổn định, bền vững, chất lượng, hiệu quả cao.

2. Giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện xã hội hóa hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp, ổn định và cơ bản đáp ứng được nhu cầu công chứng của người dân. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các Tổ chức hành nghề Công chứng, đặc biệt là các Văn phòng Công chứng.

a) Đối với Phòng Công chứng

- Các Phòng Công chứng đảm bảo thực hiện theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo qui định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công chứng, các quy trình, trình tự, thủ tục công chứng đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện, không gây phiền hà, sách nhiễu tổ chức, công dân.

b) Đối với Văn phòng Công chứng

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho Công chứng viên, các đối tượng khác có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thành lập Văn phòng Công chứng. Chú trọng phát triển Văn phòng Công chứng hoạt động ở các huyện miền núi, tại các vùng, khu vực có yêu cầu công chứng cao và phù hợp với định hướng quy hoạch của địa phương. Phấn đấu đến năm 2020 Tổ chức hành nghề Công chứng được thành lập rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.

- Khuyến khích thành lập các Văn phòng Công chứng tại các khu đô thị, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với gia tăng các giao dịch dân sự, phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn các huyện, thành, thị tạo sự cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu công chứng của tổ chức, công dân.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công chứng của các Văn phòng Công chứng, đảm bảo tuân thủ các trình tự, thủ tục công chứng, thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cải cách hành chính. Trong quá trình hoạt động công chứng chấp hành nghiêm các quy định về thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Nhiệm vụ:

Đề bảo đảm thực thi có hiệu quả việc triển khai xây dựng mạng lưới các Tổ chức hành nghề Công chứng theo quy định của Luật Công chứng đồng thời với việc thực hiện xã hội hóa hoạt động công chứng, đáp ứng yêu cầu của tổ chức và công dân, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

a) Củng cố, kiện toàn các Phòng Công chứng, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết và giải pháp để định hướng phát triển, thực hiện xã hội hóa hoạt động công chứng.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các Văn phòng Công chứng. Nghiên cứu đề xuất cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các Văn phòng Công chứng thành lập và hoạt động ở các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn.

c) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động công chứng, đảm bảo đơn giản, thuận tiện, hiệu quả, đúng pháp luật.

d) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các Phòng Công chứng trong giai đoạn chưa chuyển sang mô hình đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm chi phí hoạt động đáp ứng yêu cầu của tổ chức, công dân.

2. Các giải pháp chủ yếu:

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về Công chứng; Thông tin, quảng bá về phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng và vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Tổ chức hành nghề Công chứng.

Thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho các Tổ chức hành nghề Công chứng thành lập, hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp tư nhân hoặc Công ty hợp danh theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường quản lý nhà nước

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ các Tổ chức hành nghề Công chứng; tạo điều kiện thuận lợi cho những người có đủ điều kiện thành lập các Văn phòng Công chứng phù hợp với Đề án này.

- Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong việc thành lập, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, đăng ký mã số thuế, khắc dấu.... cho các Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh.

- Các cấp chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng. Thường xuyên hướng dẫn hoạt động, tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất theo thẩm quyền để đánh giá toàn diện tổ chức và chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm trong quá trình hoạt động của các Tổ chức hành nghề Công chứng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong thực tiễn hoạt động công chứng, khắc phục kịp thời những bất cập của từng giai đoạn phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường huy động nguồn lực, nhân lực

- Huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc thuê đất xây dựng trụ sở hoạt động cho các Tổ chức hành nghề Công chứng.

- Chú trọng khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Công chứng viên đảm bảo nguồn nhân lực hoạt động tại các Tổ chức hành nghề Công chứng.

- Tạo điều kiện cho các đối tượng có bằng Cử nhân Luật tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Công chứng viên, đồng thời khuyến khích những người thuộc diện được miễn đào tạo nghề công chứng như: Người đã là Thẩm phán; Kiểm sát viên; Điều tra viên và Luật sư đã hành nghề từ ba năm trở lên, làm hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các Tổ chức hành nghề công chứng. Từng bước kết nối thông tin giữa các Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn để trao đổi kinh nghiệm và giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động nghề nghiệp của Công chứng viên

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Tư pháp:

Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động Công chứng trên địa bàn tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu với UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn; tiến hành sơ kết, tổng kết từng giai đoạn thực hiện Đề án; báo cáo Bộ Tư pháp, UBND tỉnh tình hình tổ chức, hoạt động của các Tổ chức hành nghề công chứng theo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất.

b) Với nhiệm vụ cơ quan Thường trực Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh, chủ trì tổ chức và phối hợp với Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án này, các Văn bản QPPL liên quan đến hoạt động công chứng và phản ánh tình hình phát triển các Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ công chứng.

d) Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra theo định kỳ và đột xuất, công tác xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Tổ chức hành nghề Công chứng theo quy định hoặc theo ủy quyền.

2. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính tiến hành rà soát phân loại, tham mưu trình UBND tỉnh dân chuyển Phòng Công chứng từ đơn vị sự nghiệp có thu bảo đảm một phần chi phí sang đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm chi phí hoạt động theo lộ trình.

b) Định hướng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp Sở Tư pháp, Sở Nội vụ tiến hành rà soát phân loại, tham mưu trình UBND tỉnh dân chuyển Phòng Công chứng từ đơn vị sự nghiệp có thu bảo đảm một phần chi phí sang đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm chi phí hoạt động theo lộ trình.

4. Cục Thuế tỉnh

Có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện lập các loại sổ sách, đăng ký mã số thuế và quản lý thuế, đăng ký sử dụng hoá đơn, chứng từ trong quá trình hoạt động của các Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh.

5. Các Sở, ngành có liên quan

Phối hợp Sở Tư pháp triển khai thực hiện Đề án phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh và chức năng nhiệm vụ được giao.

6. UBND huyện, thành, thị

Căn cứ vào Đề án này, phối hợp Sở Tư pháp để xây dựng phát triển Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn cấp mình quản lý cho phù hợp, đúng quy hoạch, đảm bảo hiệu quả, chất lượng hoạt động.

Tạo điều kiện, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đề nghị thuê đất làm địa điểm hoạt động cho các Tổ chức hành nghề Công chứng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện, thành, thị.

7. Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh

Có trách nhiệm thường xuyên đăng tải các Văn bản pháp luật hiện hành và Văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về hoạt động Công chứng; kịp thời đưa tin, phản ánh... đối với việc phát triển và hoạt động của các Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh.

8. Trách nhiệm của các Tổ chức hành nghề Công chứng

Thực hiện việc đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động, đăng ký mã số thuế, làm thủ tục khắc dấu, lập các loại sổ sách, tổ chức hoạt động và thực hiện các nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật và nội dung của Đề án này.

Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh kết quả thực hiện công chứng theo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Công an tỉnh, Cục thuế tỉnh, Báo Phú Thọ, Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành, thị và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hải (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1025/2010/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 20 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05/8/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chức năng của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, gồm: tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ; lĩnh vực đấu thầu, tổng hợp giám sát, đánh giá đầu tư; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quy hoạch tổng thể, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh, bố trí kế hoạch vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương; kế hoạch xúc tiến đầu tư – Thương mại và du lịch của tỉnh; các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó có cân đối tích lũy và tiêu dùng, cân đối vốn đầu tư phát triển, cân đối tài chính;

b) Dự thảo chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, 6 tháng, năm để báo cáo Ủy ban nhân tỉnh điều hành, phối hợp việc thực hiện các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội;

c) Dự thảo chương trình, kế hoạch sắp xếp, đổi mới phát triển doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ đối với việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh;

d) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý của sở theo quy định của pháp luật, phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Dự thảo các văn bản về danh mục các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài cho từng kỳ kế hoạch và điều chỉnh trong trường hợp cần thiết;

e) Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Sở; Trưởng, phó phòng, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi thống nhất ý kiến với Sở Tài chính theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo Quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc sở theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, điều chỉnh bổ sung, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân cấp.

3. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

4. Về quy hoạch và kế hoạch:

a) Công bố và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau khi đã được phê duyệt theo quy định;

b) Quản lý và điều hành một số lĩnh vực về thực hiện kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

c) Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng quy hoạch, kế hoạch phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh đã được phê duyệt;

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình lập dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh.

5. Về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch và bố trí mức vốn đầu tư phát triển cho từng chương trình, dự án thuộc nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành và lĩnh vực;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển của các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn; tổng hợp giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra, thanh tra, giám sát, thẩm định, thẩm tra các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quản lý hoạt động đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn thủ tục đầu tư theo thẩm quyền.

6. Về quản lý chương trình, dự án thuộc nguồn vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính Phủ:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài trên địa bàn theo quy định. Vận động, thu hút, điều phối quản lý nguồn vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính Phủ của tỉnh; hướng dẫn các Sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị; xây dựng danh mục và nội dung các chương trình sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính Phủ; tổng hợp danh mục các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính Phủ trình UBND tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Đánh giá thực hiện các chương trình dự án ODA và các nguồn viện trợ phi Chính Phủ; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những vấn đề vướng mắc trong viện trợ, bố trí vốn đối ứng, giải ngân thực hiện các dự án ODA và các nguồn viện trợ phi Chính Phủ có liên quan đến nhiều Sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã; định kỳ tổng hợp báo cáo về tình hình và hiệu quả thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ.

7. Về quản lý đấu thầu:

a) Thẩm định và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh về kế hoạch đấu thầu các dự án hoặc gói thầu thuộc thẩm quyền quyết

định của Chủ tịch UBND tỉnh; thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án hoặc gói thầu do UBND tỉnh làm chủ đầu tư.

b) Hướng dẫn, theo dõi, giám sát và đánh giá đầu tư, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các dự án đấu thầu đã được phê duyệt và tình hình thực hiện công tác đấu thầu theo quy định.

8. Về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh:

a) Thẩm định và chịu trách nhiệm về các đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tổng hợp tình hình sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước và tình hình phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác;

b) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về thủ tục đăng ký kinh doanh; đăng ký tạm ngừng kinh doanh; cấp mới, bổ sung, thay đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Sở; phối hợp với các ngành kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp tại địa phương; thu thập, lưu trữ và quản lý thông tin về đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Về kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân:

a) Đầu mối tổng hợp, đề xuất các mô hình và cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân có tính chất liên ngành;

c) Đầu mối phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, xây dựng các chương trình, dự án trợ giúp, thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh;

d) Định kỳ lập báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan về tình hình phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc uỷ quyền của UBND tỉnh.

11. Chịu trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý của ngành kế hoạch và đầu tư đối với phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

12. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực được giao.

13. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

14. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

15. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của UBND tỉnh.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

17. Thực hiện những nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế:

1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc;

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định;

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc uỷ nhiệm điều hành các hoạt động của sở;

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Tổng hợp
- Phòng Kinh tế ngành
- Phòng Văn xã
- Phòng Hạ tầng
- Phòng Kinh tế đối ngoại
- Phòng Thẩm định và quản lý dự án

- Phòng Đăng ký kinh doanh;
- b) Văn phòng;
- c) Thanh tra;
- d) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc:
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch Phú Thọ

Điều 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để xây dựng Quy chế làm việc; phân công, nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc sở và bố trí công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao cho phù hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3431/2005/QĐ-UBND ngày 16/12/2005 của UBND tỉnh Phú Thọ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư .

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn khánh (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1537/2010/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 01 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23/3/2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thông tư số 03/2006/TT-VPCP ngày 17/02/2006 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23/3/2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với tổ chức và hoạt động của Công báo cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên Internet;

Căn cứ Thông tư số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của liên bộ Tài chính - Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 230/TTr-VP ngày 17/5/2010 về việc ban hành Quy chế hoạt động của trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Phú Thọ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là Website Công báo tỉnh).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Giám đốc Trung tâm Công báo tỉnh và các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng Website Công báo tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Phú Thọ (Website Công báo tỉnh)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1357 /2010/QĐ-UBND
ngày 01/6/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ:

1. Quy chế này quy định hoạt động của Website Công báo tỉnh trên mạng Internet nhằm tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng và duy trì hoạt động của Website Công báo tỉnh theo đúng quy định.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và khai thác Website Công báo tỉnh.
3. Bản điện tử là tập tin (file) văn bản (.doc; .xls) sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản và gửi bằng đường thư điện tử.

Điều 2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Website Công báo tỉnh:

1. Vị Trí:
Website Công báo tỉnh Phú Thọ là trang thông tin pháp lý của tỉnh Phú Thọ trên Internet với địa chỉ truy cập là: <http://www.congbao.phutho.gov.vn>
2. Chức năng:
 - a) Website Công báo tỉnh có chức năng đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật chính thức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Mục II Thông tư số 03/2006/TT-VPCP ngày 17/02/2006 của Văn phòng Chính phủ.
 - b) Website Công báo tỉnh góp phần thực hiện chủ trương công khai, minh bạch hóa chính sách, pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm quốc phòng – an ninh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
3. Nhiệm vụ:
 - a) Cung cấp thông tin về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật khác cho mọi đối tượng có yêu cầu; đảm bảo văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật khác sau khi ban hành được công bố chính xác, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.
 - b) Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số

66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

c) Phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành trên tất cả các lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

d) Phục vụ công tác ban hành, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan chức năng theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ, HOẠT ĐỘNG CỦA WEBSITE CÔNG BÁO TỈNH

Điều 3. Cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý:

1. Cơ quan chủ quản của Website Công báo tỉnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Cơ quan quản lý Website Công báo tỉnh là Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, trực tiếp là Trung tâm Công báo – Tin học thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

Điều 4. Cấu trúc và nội dung thông tin đăng tải trên Website Công báo tỉnh

1. Cấu trúc: Website Công báo tỉnh có 4 mục:

a) Mục Văn bản mới: đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật do cơ quan có thẩm quyền vừa mới ban hành trong thời gian chờ xuất bản Công báo.

b) Mục Công báo: đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật khác theo từng số Công báo.

c) Mục Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh: đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành từ năm 1997 đến nay.

d) Mục thông tin tổng hợp: Tuyên truyền, quảng bá cổ động chính trị.

2. Nội dung văn bản đăng tải trên Website Công báo tỉnh:

a) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện, thành, thị.

- Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành, thị.

b) Văn bản pháp luật khác:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và huyện, thành, thị không chứa quy phạm pháp luật được ban hành để giải quyết các công việc cá biệt, cụ thể.

- Quyết định, Chỉ thị cá biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định từ Điều 82 đến Điều 96 và Điều 124 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

- Quyết định, Chỉ thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Điều

127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

- Quyết định đính chính văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày.

- Điều ước quốc tế do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ký kết hoặc gia nhập được trực tiếp áp dụng tại tỉnh.

- Thỏa thuận quốc tế do tỉnh ký kết với địa phương của các nước hoặc các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các văn bản hướng dẫn do các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung liên quan đến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản pháp luật khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể.

Điều 5. Quy định về thông tin trên Website Công báo tỉnh

1. Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật khác nêu tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này được công bố trên Website Công báo tỉnh phải đảm bảo tính chính xác về nội dung như văn bản gốc.

2. Các nội dung thông tin khác trên Website Công báo tỉnh phải tuân thủ các quy định của Luật Báo chí; Luật Xuất bản, Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước; hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, về quản lý thông tin trên Internet.

Điều 6. Trách nhiệm cung cấp và cập nhật thông tin trên Website Công báo tỉnh:

1. Trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan quản lý Website Công báo tỉnh:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật đăng tải trên Website Công báo tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này phải được cơ quan có thẩm quyền ban hành gửi đầy đủ, đúng thời hạn cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Công báo – Tin học thuộc Văn phòng UBND tỉnh) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của văn bản đó theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ, Khoản 1 Mục IV Thông tư số 03/2006/TT-VPCP ngày 17 tháng 02 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ đề đăng tải trên Website Công báo tỉnh:

- Đối với văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật do Hội đồng nhân dân: Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội – Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Hành chính – Tổ chức – Quản trị thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội – Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển 01 văn bản gốc cùng bản điện tử có chứa nội dung chính xác với văn bản gốc trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ký.

- Đối với văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Hành chính – Tổ chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển 01 văn bản gốc cùng bản điện tử có chứa nội dung chính xác với văn bản gốc trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ký.

- Đối với văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành, thị ban hành: Chánh Văn phòng Hội đồng